

Bản án số: 32/2017/HS-ST
Ngày: 06-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Võ Lâm Sơn** – Giáo viên Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Chợ Mới.

Ông Tô Ngọc Liêm – Phó Giám đốc Trung tâm Dân số kế hoạch hóa gia đình huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Nhà tạm giữ Công an nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2017/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2017, đối với bị cáo:

Võ Thanh S, sinh năm 1990, tại huyện C, tỉnh A; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh A; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 8/12; con ông Võ Văn H, sinh năm 1962 và bà Đoàn Thị H, sinh năm 1965; có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giam từ ngày 13/5/2017 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Bà Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1986; chỗ ở hiện nay: phường B, quận T, thành phố H; (vắng mặt).

Ông Mai Quốc T, sinh năm 1980; chỗ ở hiện nay: phường B, quận T, thành phố H; (có mặt).

Ông Trần Chí N1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh A; (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/9/2001; nơi cư trú: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh A; (vắng mặt). Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thành Q – Phó Bí thư xã Đoàn M, huyện C, tỉnh A; (vắng mặt).

Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 12/8/2005; nơi cư trú: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh A; (vắng mặt). Người đại diện hợp pháp là bà Trần Thị Thu B – Phó Chủ tịch hội phụ nữ xã M, huyện C, tỉnh A; (vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn B (T), sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh A; (có mặt).

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh A; (có mặt).

Bùi Thị Kim L, sinh ngày 30/01/2003; nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh A; (có mặt). Người đại diện hợp pháp là bà Võ Thị M P, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh A; (có mặt).

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đ; (vắng mặt).

Ông Trần M Tr, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đ; (vắng mặt).

Ông Võ Văn H, sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh A; (có mặt).

NHẬN THẤY:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, Võ Thanh S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Để thực hiện, S là người quan sát tìm địa điểm trộm rồi kêu Nguyễn Hoàng M - Sinh ngày 12/8/2005 thực hiện lấy tài sản đưa cho S bán, S sẽ cho tiền M, M đồng ý. Khoảng 20 giờ ngày 29/01/2017, S quan sát thấy cửa hàng rào và cửa nhà của Mai Ngọc T ở ấp Đ, xã M, huyện C không khóa, người trong nhà đã ngủ, S về nói cho M biết rồi chở M bằng xe đạp đến nhà T dẫn khi vắng người thì vào trong để lấy tài sản. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, M vào nhà T lấy trộm 01 điện thoại iPhone 5s màu vàng và túi xách tay màu đen của Dương Thị Ngọc H và Mai Quốc T (chồng của H), bên trong túi xách có 16.420.000 đồng, M lấy để vào túi quần rồi về nhà. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 30/01/2017, M đem 16.420.000 đồng và 01 điện thoại iPhone 5s đưa cho S, M được cho 7.000.000 đồng, còn lại S sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, khoảng 23 giờ ngày 02/02/2017, N rủ M đi tìm tài sản để lấy trộm thì M đồng ý. N chạy xe đạp chở M đến vừa xoài của Trần Chí N1 thuộc ấp T, xã M thấy không có người trông giữ, cửa rào không khóa nên N kêu M vào lấy trộm tài sản. M đi vào trong vừa xoài đến phòng ngủ của N1 lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J7 màu vàng đồng đưa cho N, N chở M về. Do điện thoại bị khóa, nên sáng ngày 03/02/2017 N kêu M đem đến cửa hàng

điện thoại di động của Trần Minh Tr ở ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đ để cài đặt lại chương trình cho N sử dụng thì bị cơ quan Công an phát hiện thu giữ điện thoại.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chiếc xe đạp màu xanh, phía trước xe có gắn bội xe bằng kim loại, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2 Prime (số MODEL: SM-G532G/DS) màu vàng đồng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cục sạc pin dự phòng nhãn hiệu SAMSUNG (số MODEL: Ne DLP-8000) màu đen, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 màu vàng đồng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu vàng, đã qua sử dụng;

- Theo biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 01/6/2017 có tạm giữ số tiền 400.000 đồng do Bùi Thị Kim L tự nguyện giao nộp.

*** Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 13 và 14 cùng ngày 23/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình nhân sự huyện Chợ Mới:**

- 01 điện thoại di động hiệu iPhone 5s màu vàng (đã qua sử dụng), giá trị sử dụng còn lại 70%. Giá trị hiện tại là 3.500.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J7, màu vàng đồng (đã qua sử dụng), giá trị sử dụng còn lại 60%. Giá trị hiện tại là 3.700.000 đồng.

Ngày 11/5/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Chợ Mới ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Võ Thanh S về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Tại bản cáo trạng số 30/VKS-HS ngày 21 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Võ Thanh S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm n khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Đồng thời, tịch thu sung công quỹ vật chứng đã thu giữ.

XÉT THẤY:

- *Về tố tụng:* Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người bị hại và những người làm chứng; phù hợp với các vật chứng bị thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác được lưu trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định, bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt 01 điện thoại Iphone 5s trị giá 3.500.000 đồng và số tiền 16.420.000 đồng của chị Dương Thị Ngọc H và anh Mai Quốc T thông qua hành vi thực hiện của em Nguyễn Hoàng M đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh T và chị H. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Để sở hữu được tài sản, người lao động phải trải qua quá trình lao động vất vả có thể qua nhiều thế hệ mới tạo lập được. Cho nên, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo đang ở độ tuổi lao động, lẽ ra bị cáo phải tích cực lao động để tạo lập tài sản chính đáng cho bản thân và gia đình nhưng vì hám lợi, bị cáo xúi giục Nguyễn Hoàng M đi trộm cắp tài sản của chị H và anh T nên được coi là người thực hành tội phạm và hành vi phạm tội của bị cáo vẫn bị coi là “xúi giục người chưa thành niên phạm tội” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo; người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Do bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường nên không xét đến.

Ông Võ Văn H đã tự nguyện giao nộp 16.420.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo và ông H không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 màu vàng đồng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu vàng, đã qua sử dụng.

Các vật chứng này là tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh N1 và chị H, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh N1 và chị H là phù hợp nên không xem xét lại.

- 01 (một) chiếc xe đạp màu xanh, phía trước xe có gắn bệ xe bằng kim loại, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của bị cáo được bị cáo sử dụng vào việc thực hiện tội phạm. Xét, tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2 Prime màu vàng đồng, đã qua sử dụng và 01 (một) cục sạc pin dự phòng nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, đã qua sử dụng. Đây là tài sản M có được từ việc dùng tiền từ hành vi phạm tội mà có. Xét, tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 400.000 đồng do Bùi Thị Kim L đã nộp, đây là số tiền liên quan đến việc phạm tội mà có, em L tự nguyện nộp lại nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với:

+ Việc Nguyễn Thị N và M trộm cắp điện thoại di động của Trần Chí N1, thì S không biết, không tham gia, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự lần này đối với S là đúng.

+ N biết tiền S cho do trộm cắp mà vẫn nhận và có hành vi cùng M lấy trộm điện thoại của N. Nhưng do tại thời điểm phạm tội N chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan điều tra không khởi tố, chuyển xử lý khác là phù hợp quy định của pháp luật.

+ M 02 lần cùng S và N trộm cắp tài sản, nhưng tại thời điểm phạm tội M chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ.

+ Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị T không biết S và M trộm cắp tài sản, không nhận tiền do S cho, cũng không cho tiền M, ngoài lời khai của S và M

không có chứng cứ khác để chứng M, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ chấp nhận.

+ Bùi Thị Kim L - Sinh ngày 30/01/2003, biết tiền M cho do trộm cắp mà vẫn nhận, nhưng do Liên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và sau đó cũng tự giác đến gia đình người bị hại cho biết M trộm cắp, nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định pháp luật.

+ Võ Thanh S và Nguyễn Thị N sống chung với nhau như vợ chồng. Tại thời điểm sống chung N chưa đủ 16 tuổi, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác M làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ Thanh S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm n khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Võ Thanh S 01 (một) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam 13/5/2017 (*ngày mười ba tháng năm năm hai nghìn không trăm mười bảy*).

Áp dụng khoản 2 Điều 76 bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 (một) chiếc xe đạp màu xanh, phía trước xe có gắn bội xe bằng kim loại, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2 Prime (số MODEL: SM-G532G/DS) màu vàng đồng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cục sạc pin dự phòng nhãn hiệu SAMSUNG (số MODEL: Ne DLP-8000) màu đen, đã qua sử dụng;

- Số tiền 400.000 đồng theo biên lai thu số 003581 ngày 28/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/8/2017 giữa Cơ quan điều tra và Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới).

Áp dụng Điều 98, Điều 99, Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Võ Thanh S phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với án phí) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của người bị hại, đại diện hợp pháp người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

Lại Hiệp Phong